TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-12-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Cần;

Bà Lê Thị Mộng Tuyền.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Đức Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 42/2025/QĐH-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị P, sinh năm 1985; CCCD số 074185000754 cấp ngày 18/03/2025; địa chỉ: Tổ D, ấp T, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Lê Ngọc H, sinh năm 1983; CCCD số 074083000541 cấp ngày 03/04/2021; địa chỉ: Tổ D, ấp T, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/9/2025 và Bản tự khai ngày 04/12/2025, nguyên đơn bà Lê Thị Phương trình B: Bà P và ông H tự nguyện quen biết, tìm hiểu, tổ chức đám cưới, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng đã ly thân khoảng 4 tháng. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà P và ông H có 01 con chung là Lê Ngọc Bảo A, sinh ngày 29/03/2023. Sau ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Ngọc H trình bày tại Bản tự khai, Biên bản hoà giải ngày 04/12/2025 như sau: Thống nhất với lời trình bày của bà P về quá trình tìm hiểu, kết hôn và chung sống giữa ông với bà P. Vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và hiện không ở chung với nhau nhưng không đến mức bất đồng quan điểm như bà P trình bày. Trước yêu cầu khởi kiện của bà P thì do ông vẫn còn thương bà P nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông và bà P có 02 con chung là Lê Ngọc Bảo A, sinh ngày 29/03/2023. Nếu Toà án giải quyết ly hôn, thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà P nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông H. Ông H cư trú tại tổ D, ấp T, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án năm 2025, yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng tự động bỏ về nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông H quen biết, tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn

T, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10 ngày 22/02/2019 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng: Bà P yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H vì cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm; vợ chồng đã ly thân khoảng 4 tháng. Ông H cho rằng còn thương bà P nhưng không có phương án để hoà giải, đoàn tụ. Qua đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống hôn nhân không có trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P xin ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Ngọc Bảo A, sinh ngày 29/3/2023. Bà P và ông H đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi con trưởng thành. Xét thấy, cháu Lê Ngọc Bảo A, chưa đủ 3 tuổi; hiện con do bà P trực tiếp nuôi dưỡng, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*". Bà P có nghiề nghiệp là y tá bệnh viện, có thu nhập ổn định nên bà P đề nghị giao con cho bà trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà P phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án năm 2025;

Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị P đối với bị đơn ông Lê Ngọc H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị P được ly hôn với ông Lê Ngọc H.

- Về con chung: Bà Lê Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Ngọc Bảo A, sinh ngày 29/3/2023. Ghi nhận ý kiến của bà Lê Thị P về việc không yêu cầu ông Lê Ngọc H phải cấp dưỡng nuôi con.

Lê Thị P và ông Lê Ngọc H đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041544 ngày 25/11/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 17, TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- P.THADS Khu vực 17, TP. Hồ Chí Minh
- UBND p.Long Bình, TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Huế